



Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG
(Đính kèm)

| | |
|-------------------|---|
| E-ĐKC 10.2 | <ul style="list-style-type: none">❖ Phương thức thanh toán: Chuyển khoản❖ Đồng tiền thanh toán: VND❖ Số lần thanh toán: Thanh toán chia làm 03 giai đoạn.❖ Thời hạn thanh toán:<ul style="list-style-type: none">* Đối với BCNCKT: Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ BCNCKT được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các bên thống nhất ký bảng xác định kinh phí thanh toán và Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của nhà thầu tư vấn.* Đối với TKBVTC-DT: Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ TKBVTC-DT được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các bên thống nhất ký bảng xác định kinh phí thanh toán và Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của nhà thầu tư vấn.* Các giai đoạn thanh toán:<ul style="list-style-type: none">1) Giai đoạn lập BCNCKT:<p><u>Hoàn tất khảo sát, lập BCNCKT:</u> Chủ đầu tư thanh toán đến 100% chi phí lập nhiệm vụ khảo sát, chi phí khảo sát giai đoạn BCNCKT và 90% chi phí lập BCNCKT (theo Bảng xác định kinh phí thanh toán) sau khi hồ sơ báo cáo kết quả khảo sát được nghiệm thu và hồ sơ BCNCKT xây dựng công trình được phê duyệt, nghiệm thu, nhà thầu hoàn tất đầy đủ hồ sơ theo kết quả thẩm định và Chủ đầu tư nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán theo đúng quy định.</p>2) Giai đoạn lập TKBVTC-DT:<p><u>Hoàn tất khảo sát, lập TKBVTC-DT:</u> Chủ đầu tư thanh toán đến 100% chi phí lập nhiệm vụ khảo sát, chi phí khảo sát giai đoạn TKBVTC và 90% chi phí lập TKBVTC-DT (theo Bảng xác định kinh phí thanh toán) sau khi hồ sơ báo cáo kết quả khảo sát được nghiệm thu và hồ sơ TKBVTC-DT xây dựng công trình được phê duyệt, nghiệm thu, nhà thầu hoàn tất đầy đủ hồ sơ theo kết quả thẩm định và Chủ đầu tư nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán theo đúng quy định.</p>3) Giai đoạn dự án hoàn thành:<p><u>Sau khi công trình được thi công hoàn thành, được nghiệm thu bàn giao theo đúng quy định:</u> Sau khi dự án được nghiệm thu bàn giao, Chủ đầu tư nhận được báo cáo giám sát tác giả và hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ, Chủ đầu tư sẽ thanh toán 10% chi phí lập BCNCKT và chi phí lập TKBVTC-DT còn lại cho nhà thầu tư vấn.</p>* Hồ sơ thanh toán:<ul style="list-style-type: none">+ Biên bản nghiệm thu sản phẩm tư vấn (Báo cáo kết quả khảo sát, BCNCKT, TKBVTC-DT), khối lượng công việc hoàn thành trong |
|-------------------|---|



| | |
|------------------------|--|
| | <p>giai đoạn thanh toán, có xác nhận của các bên liên quan, Bảng xác định kinh phí thanh toán.</p> <p>+ Bảng tính giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng, có xác nhận của các bên liên quan, có phụ lục hợp đồng được ký kết theo đúng quy định.</p> <p>+ Đề nghị thanh toán của nhà thầu tư vấn cần thể hiện đầy đủ các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau cùng.</p> <p>+ Các tài liệu liên quan khác (Hóa đơn, Báo cáo giám sát tác giả đối với đề nghị thanh toán giá trị còn lại sau khi công trình nghiệm thu hoàn thành,...)</p> <p>+ USB chứa file tất cả hồ sơ BCNCKT/TKBVTC-DT bao gồm đầy đủ tài liệu gốc (định dạng file: word, excel, các bản vẽ Cad, IFC...) và file scan hồ sơ được 2 bên ký duyệt.</p> <p>* Xác định giá trị thanh toán:</p> <ul style="list-style-type: none">- <i>Giá trị lập nhiệm vụ khảo sát, khảo sát/đo vẽ được thanh toán trên cơ sở hợp đồng đã ký.</i>- <i>Giá trị lập BCNCKT/TKBVTC-DT được thanh toán trên cơ sở chi phí lập BCNCKT/TKBVTC-DT tính theo tỷ lệ quy định của Bộ Xây dựng trong Tổng mức đầu tư/Dự toán xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, với tỷ lệ giảm giá trong giai đoạn lựa chọn nhà thầu ((giá gói thầu - giá trúng thầu)/ giá gói thầu).</i> |
| <p>E-ĐKC 12</p> | <p>Thời hạn thực hiện hợp đồng: Thời gian thực hiện hợp đồng được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký. Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Thời gian thực hiện gói thầu là 45 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi TKBVTC-DT dự án được duyệt và được nghiệm thu.- Thời gian thực hiện nghĩa vụ giám sát tác giả thiết kế xây dựng trong quá trình thi công xây dựng công trình (là thời gian thực hiện gói thầu xây lắp 180 ngày). |
| <p>E-ĐKC 17</p> | <p><i>Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo một trong các cách thức sau:</i></p> <p>1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng.</p> <p><i>Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau:</i></p> <p>a) Nhà thầu bị phạt theo mức:</p> <ul style="list-style-type: none">- Giá trị phạt do vi phạm về tiến độ được tính = tối đa 12% x giá trị hạng mục công việc bị vi phạm (tỷ lệ được tính bắt đầu từ ngày thứ 5, cứ mỗi ngày chậm tiếp theo sẽ phạt 0,5%, mức phạt tối đa đến 12% sẽ thực hiện chấm dứt hợp đồng). |



- Giá trị phạt do vi phạm về chất lượng được tính = tỉ lệ % x giá trị hợp đồng bị vi phạm (hoặc giá trị hợp đồng trong trường hợp không xác định được giá trị phần bị vi phạm) đã ký; được tính lũy kế các lần 1 phạt 5 %, lần 2 phạt 7 %, lần 3 phạt 12 % và xem xét chấm dứt hợp đồng.

- Nhà thầu không tham dự họp (do Chủ đầu tư hoặc cơ quan liên quan mời) hoặc không cử đúng thành phần tham dự theo văn bản mời họp của Chủ đầu tư hoặc không gửi Báo cáo tiến độ thực hiện cho Chủ đầu tư mà không có lý do chính đáng, nhà thầu chậm trễ hoặc không cử đúng thành phần nhân sự chủ chốt theo chức danh phân công trong hợp đồng khi làm việc với chủ đầu tư hoặc các bên liên quan về các nội dung chuyên môn của hồ sơ khảo sát, thỏa thuận tuyến, thiết kế,..... thì Chủ đầu tư sẽ xem xét, xử phạt lần 1 cảnh cáo, nhắc nhở; lần 2 phạt đến 5 % giá trị hợp đồng; lần 3 phạt đến 7 % giá trị hợp đồng và xem xét chấm dứt hợp đồng.

- Tổng số tiền phạt không vượt quá: **116.607.927 VND** (tương đương 12% giá trị hợp đồng). Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.

Nội dung vi phạm/sai sót về chất lượng hoặc các thiếu sót trong hồ sơ tư vấn dẫn đến hậu quả: Việc triển khai thực hiện không đúng quy định của pháp luật, quy định của cấp có thẩm quyền (Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty), quy định của hợp đồng như khảo sát thiết kế sai quy chuẩn, tiêu chuẩn, sai định mức, đơn giá,..; hoặc việc triển khai thực hiện gây thiệt hại cho chủ đầu tư (phát sinh chi phí, lãng phí, gây sự cố công trình, đưa ra giải pháp khảo sát, thiết kế không phù hợp dẫn đến không thể triển khai thi công trong thực tế) được quy định như sau:

a.1. Vi phạm trong công tác khảo sát:

- Vi phạm trong thu thập, tính toán các số liệu về khí tượng – thủy văn;

- Vi phạm trong công tác khảo sát địa hình (đo đạc, xây dựng các mốc địa hình, các bản đồ địa hình, các mặt cắt địa hình...);

- Vi phạm trong công tác khảo sát địa chất (Bản đồ địa chất công trình, công tác địa vật lý, công tác khoan/ đào địa chất, công tác bảo quản nồn khoan...);

- Vi phạm trong việc điều tra, khảo sát, thống kê, xác định khối lượng các ảnh hưởng, tác động bởi Dự án/ công trình... (diện tích chiếm đất, khối lượng bồi thường, di dân tái định cư, giải phóng mặt bằng...).

- Vi phạm trong công tác phân tích, đánh giá kết quả và xác lập các chỉ tiêu khảo sát về khí tượng thủy văn, địa hình, địa chất (chỉ tiêu cơ lý đất đá, phân lớp địa chất công trình, động đất, kiến tạo, ...).

- Vi phạm trong công tác cập nhật hạ tầng ngầm.

- Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

a.2. Vi phạm trong công tác thiết kế:

- Vi phạm trong việc áp dụng các Tiêu chuẩn thiết kế, Phân loại cấp công trình và nhóm công trình, lựa chọn tần suất tính toán thiết kế (về thủy văn, sóng, gió...) đối với hạng mục/ công trình...;



- Vi phạm trong phân tích sự cần thiết đầu tư, phân tích kinh tế - tài chính của Dự án;
- Vi phạm trong việc lựa chọn, xác định tổ hợp tải trọng tác động lên hạng mục/ công trình... trong các trường hợp tính toán;
- Vi phạm trong việc tính toán, phân tích lựa chọn phương án, lựa chọn tuyến, thiết kế bố trí hạng mục/ tổng thể công trình và các hạng mục công trình phụ trợ...;
- Vi phạm trong giải pháp thiết kế, lựa chọn công nghệ;
- Vi phạm trong tính toán, thiết kế đối với từng cấu kiện, bộ phận, hạng mục, trong Hồ sơ thiết kế của Dự án/ công trình;
- Vi phạm trong việc xác lập, kiến nghị biện pháp tổ chức xây dựng, biện pháp thi công hạng mục/ công trình;
- Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật có liên quan.
- Vi phạm trong bóc tách khối lượng từ bản vẽ, bản vẽ thiết kế sai sót, ...
- Các vi phạm, sai sót chủ quan khác dẫn đến phải sửa đổi thiết kế trong quá trình chọn thầu, trong quá trình thi công, nghiệm thu.

a.3. Vi phạm trong công tác lập dự toán:

- Vi phạm trong việc tuân thủ các quy định về quản lý chi phí ĐTXD được ban hành và có hiệu lực đối với từng thời kỳ;
- Vi phạm trong việc tuân thủ nội dung hồ sơ kỹ thuật (khảo sát, thiết kế các giai đoạn: khối lượng, biện pháp tổ chức xây dựng/biện pháp thi công, các điều kiện tự nhiên liên quan...);
- Áp dụng/vận dụng định mức, đơn giá và các chế độ trong tính toán, xác định chi phí không đúng;
- Các sai sót trong quá trình tính toán, xác định chi phí;
- Vi phạm thời gian thực hiện và/hoặc không đầy đủ hồ sơ liên quan theo quy định khi trình duyệt (kể cả các tài liệu gửi qua e.mail, D.office, phần mềm quản lý ĐTXD...);
- Xác định ĐTXD/dự toán gói thầu có giá chi phí chênh lệch lớn hơn $\pm 10\%$ so với kết quả thẩm tra, thẩm định, phê duyệt.

**** Các nội dung vi phạm khác:***

- Nội dung hồ sơ không thống nhất (do lỗi chủ quan của tư vấn) dẫn đến việc: hồ sơ dự án, thiết kế bị cơ quan có thẩm quyền/ cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt trả về yêu cầu hiệu chỉnh hoặc Các nhà thầu tham dự thầu phát hiện sai sót trong hồ sơ thiết kế, Hồ sơ mời thầu gửi văn bản đề nghị bên mời thầu làm rõ.
- Về việc lựa chọn phương án bố trí tổng thể mặt bằng chưa tối ưu (làm ảnh hưởng đến: công tác đền bù, giải phóng mặt bằng; khả năng mở rộng của công trình; khó khăn trong sửa chữa, thay thế VTTB, vận hành hệ thống, ...).
- Hồ sơ tư vấn, hồ sơ thiết kế, hồ sơ mời thầu làm hạn chế Nhà sản xuất, Nhà thầu tham dự.



| | |
|-------------------|--|
| | <ul style="list-style-type: none">- Nhà thầu không tham dự họp (do Chủ đầu tư hoặc cơ quan liên quan mời) hoặc không cử đúng thành phần tham dự theo văn bản mời họp của Chủ đầu tư hoặc không gửi Báo cáo tiến độ thực hiện cho Chủ đầu tư mà không có lý do chính đáng, nhà thầu chậm trễ hoặc không cử đúng thành phần nhân sự chủ chốt theo chức danh phân công trong hợp đồng khi làm việc với chủ đầu tư hoặc các bên liên quan về các nội dung chuyên môn của hồ sơ khảo sát, thỏa thuận tuyến, thiết kế,...- Đối với các vi phạm khác: áp dụng theo chương X – Quyết định số 70/QĐ-HĐTV ngày 30/5/2025 của Tổng công ty Điện lực TP.HCM. <p>b) Trường hợp Chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Mục 10 E-ĐKC thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày Chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</p> <p><i>Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế:</i></p> <p>Mức bồi thường = Chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng + chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng.</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none">- Chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng bao gồm chi phí khắc phục tất cả các hư hỏng, sự cố do nhà thầu gây ra như mua sắm lại VTTB, khắc phục công trình lân cận bị hư hỏng, thiệt hại về tài sản, vật chất, tính mạng,... do nhà thầu thiết kế sai quy chuẩn, tiêu chuẩn, lựa chọn vị trí, địa điểm không phù hợp dẫn đến thi công xong phải đập bỏ,... (trường hợp nhà thầu tự khắc phục thì không phải bồi thường chi phí này).- Chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng bao gồm: Chi phí trả lãi vay trong thời gian công trình chậm đưa vào sử dụng. |
| E-ĐKC 22.2 | <p>Giải quyết tranh chấp:</p> <p>1. Khi một Bên phát hiện Bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng thì có quyền yêu cầu Bên kia thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Bên phát hiện có quyền khiếu nại Bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 3 ngày. Nếu các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận khiếu nại của Bên còn lại.</p> <p>Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, nếu Bên nhận được khiếu nại không có ý kiến hoặc không đưa ra được các căn cứ, dẫn chứng chứng minh nội dung khiếu nại là không hợp lý thì coi như đã chấp thuận với nội dung khiếu nại.</p> <p>2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các Bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.</p> <p>Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 10 ngày</p> |



kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải, các Bên sẽ gửi đơn khiếu nại lên Tòa án Nhân dân có thẩm quyền để xử lý tranh chấp theo quy định của pháp luật. Quyết định của Tòa án nhân dân có thẩm quyền là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các Bên.

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.